TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 181/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v: Ly hôn giữa
Chị G và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Minh Đức
Ông: Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Hoàng G, sinh năm 1983
Địa chỉ: xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.
Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979
Địa chỉ: xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị G, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019 được bổ sung tại bản khai , phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Hoàng G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 16/01/2003. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Anh H không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình. Chị khuyên bảo anh còn đánh chị, bôi xấu danh dự nhân phẩm của chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn T sinh ngày 13/10/2003 và Phạm Ngọc H sinh ngày 30/01/2013. Cháu T hiện đang sống và đi học với em trai anh H ở Điện Biên, cháu H đang ở cùng anh H. Khi ly hôn chị đề nghị nuôi cả hai con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi cháu H vì cháu là con gái, anh H nuôi cháu T.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Chị Giang có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt chị.

Bị đơn là anh Phạm Văn H cũng có bản tự khai và tại phiên hòa giải xác nhận anh và chị G kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 16/01/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn do quân điểm sống, anh còn nghi ngờ chị G có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị G. Về con chung anh cũng khẳng định anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn T sinh ngày 13/10/2003 và Phạm Ngọc H sinh ngày 30/01/2013. Cháu T hiện đang sống và đi học với em trai anh ở Điện Biên, cháu H đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị nuôi cả hai con không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con cho anh. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản anh chị tự giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ đề nghị giải quyết cho chị G ly hôn anh H. Con chung giao anh H nuôi dưỡng Phạm Tuấn T và giao chị G nuôi dưỡng Phạm Ngọc H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Án phí chị G nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị G và anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị G và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và lối sống của cả hai bên; anh nghi chị ngoại tình. Anh chị đã ly thân 2 năm nay, chị xin ly hôn, anh nhất trí. Xét thấy cuộc hôn nhân không thể duy trì, chấp nhận cho chị G ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn T sinh ngày 13/10/2003 và Phạm Ngọc H sinh ngày 30/01/2013. Cháu T hiện đang sống và đi học với em trai anh H ở Điện Biên, cháu H đang ở cùng anh H. Khi ly hôn chị đề nghị nuôi cả hai con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị. Nay

chị đề nghị được nuôi cháu H để anh nuôi cháu T. Anh có nguyện vọng nuôi cả hai con không yêu cầu chị cấp dưỡng. Xét thấy việc nuôi con là quyền và trách nhiệm của cả hai anh chị; anh chị đều có điều kiện nuôi con.Cháu T đang theo học tại Điện Biên do em trai anh H là giáo viên dạy nên giao cho anh H nuôi dưỡng. Cháu H là con gái giao cho chị nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H có trách nhiệm bàn giao cháu H cho chị G nuôi dưỡng

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Hoàng G và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: giao cho anh H nuôi cháu Phạm Tuấn T sinh ngày 13/10/2003; giao chị G nuôi cháu Phạm Ngọc H sinh ngày 30/01/2013.Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh H có trách nhiệm bàn giao cháu H cho chị G nuôi dưỡng

3. Về án phí: chị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001580 ngày 24 tháng 7 năm 2019.

Anh H, chị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh